

Số: **1218**/KH-ĐCT

Hà Nội, ngày **08** tháng 03 năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” và Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn I: 2021-2025 năm 2022

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (gọi tắt là Chương trình MTQG 1719); các văn bản hướng dẫn thực hiện giám sát, đánh giá Chương trình, quy định phân bổ ngân sách và quản lý, sử dụng nguồn ngân sách thực triển khai Chương trình 1719;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Hội Liên hiệp Phụ nữ (LHPN) Việt Nam trong Chương trình MTQG 1719, trong đó tập trung triển khai Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” (gọi tắt là DA8), Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội LHPN Việt Nam ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện DA8 năm 2022 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Định hướng, hỗ trợ các tỉnh, thành triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung hoạt động và đạt các chỉ tiêu của Dự án đặt ra.
- Nâng cao nhận thức, hỗ trợ chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, bảo vệ, chăm sóc phụ nữ và trẻ em, góp phần thực hiện mục tiêu bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em vùng đồng bào DTTS và miền núi.

2. Yêu cầu

- Các hoạt động của Dự án cần được triển khai bám sát nội dung, yêu cầu của Chương trình theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và chỉ đạo, định hướng của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội LHPN Việt Nam; đồng thời, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.
- Đẩy mạnh truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức và giới thiệu sâu rộng về Dự án 8 đến các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân tại vùng đồng bào DTTS và miền núi nhằm từng bước thay đổi nhận thức, thúc đẩy lồng ghép giới trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương.
- Các cấp Hội triển khai Dự án 8 gắn với thực hiện Nghị quyết Đại hội phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2022-2027 và Chương trình Đồng hành cùng phụ nữ biên cương (giai đoạn 2021-2025).

- Tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp nhằm phát huy thế mạnh của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể trong quá trình triển khai thực Dự án và có sự phối hợp triển khai hoạt động của Dự án 8 gắn với thực hiện Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới và Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Dự án cần được báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu để kịp thời tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện.

II. ĐỐI TƯỢNG, ĐỊA BÀN, KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Đối tượng thụ hưởng

Phụ nữ và trẻ em gái tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn, ưu tiên phụ nữ và trẻ em gái là người dân tộc thiểu số trong các hộ nghèo, cận nghèo, nạn nhân bị mua bán, bị bạo lực gia đình, bị xâm hại tình dục, di cư lao động không an toàn/lấy chồng nước ngoài trở về, phụ nữ khuyết tật.

2. Địa bàn

Các xã, thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, ưu tiên nguồn lực cho địa bàn ĐBKK, xã biên giới.

3. Kinh phí thực hiện

Ngân sách thực hiện Dự án chi vào nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước:

- Ngân sách thực hiện Dự án tại cấp Trung ương: chi vào nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm cho Trung ương Hội LHPN Việt Nam và các ban, bộ, ngành liên quan để triển khai nhiệm vụ được giao thực hiện Dự án 8.

- Ngân sách thực hiện Dự án tại địa phương: các địa phương chủ động bố trí kinh phí cùng với kinh phí từ ngân sách trung ương hỗ trợ để thực hiện Dự án.

Căn cứ vào hoạt động, chỉ tiêu của Dự án được giao, Hội LHPN tỉnh, thành chủ động đề xuất ngân sách với UBND tỉnh, thành bố trí vào nguồn ngân sách địa phương cùng với nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ để thực hiện Dự án; đồng thời, vận động, huy động thêm nguồn lực xã hội hóa để chủ động, kịp thời triển khai các nhiệm vụ của Dự án theo kế hoạch.

Việc lập dự toán, chỉ tiêu và quyết toán hoạt động thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 15/2022/TT-BTC, ngày 04 tháng 3 năm 2022 Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

III. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

1. Đối với cấp Trung ương

Ban Dân tộc Tôn giáo chủ trì, phối hợp với các ban, đơn vị cơ quan Trung ương Hội tập trung tham mưu chỉ đạo, tổ chức thực hiện các hoạt động sau đây:

- Tập trung tham mưu xây dựng, ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện Dự án trên cơ sở Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình; xây dựng kế

hoạch, phân bổ Ngân sách thực hiện Dự án 8 giai đoạn I: 2021 - 2025 và năm 2022; thực hiện giám sát, hỗ trợ kỹ thuật cho các tỉnh, thành trong quá trình tổ chức thực hiện Dự án.

- Nghiên cứu, thành lập Ban Điều hành và tổ giúp việc thực hiện Dự án 8. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các ban, đơn vị cơ quan TW Hội phối hợp với ban Dân tộc - Tôn giáo thực hiện các nhiệm của Dự án.

- Xây dựng tài liệu hướng dẫn triển khai khai các mô hình, hoạt động thực hiện Dự án 8, gồm: tài liệu hướng dẫn truyền thông dựa vào cộng đồng; tài liệu hướng dẫn giám sát, đánh giá về bình đẳng giới; tài liệu hướng dẫn triển khai các mô hình hỗ trợ thúc đẩy bình đẳng giới cho phụ nữ và trẻ em gái tại vùng đồng bào DTTS (gồm Tổ tiết kiệm vốn vay thôn bản, Tổ/nhóm sinh kế, Địa chỉ an toàn tại cộng đồng, Tổ truyền thông tại cộng đồng, Câu lạc bộ Thủ lĩnh của sự thay đổi...) và tập huấn hướng dẫn triển khai; nghiên cứu, thiết kế số hóa các tài liệu truyền thông, tập huấn đăng tải trên các kênh thông tin của các cấp Hội, để chia sẻ, hỗ trợ địa phương triển khai thực hiện hiệu quả Dự án.

- Phối hợp với UBĐT và các bộ, ngành liên quan hoàn thiện các văn bản hướng dẫn triển khai Chương trình MTQG 1719: Thông tư hướng dẫn theo dõi, đánh giá thực hiện bình đẳng giới trong Chương trình; Thông tư hướng dẫn quy trình giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; Thông tư quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình; phối hợp chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện.

- Xây dựng tài liệu và tập huấn phát triển năng lực lồng ghép giới cho cán bộ lãnh đạo các cấp, trong đó chú trọng tập huấn xây dựng đội ngũ giảng viên nguồn cho cấp TW và các tỉnh, thành.

- Xây dựng các chương trình truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức về giới, bình đẳng giới và giới thiệu, vận động về Dự án 8 trên kênh truyền thông quốc gia (ít nhất là 01 Chương trình bằng tiếng phổ thông và tiếng dân tộc phát trên sóng của Đài THVN).

- Tiến hành khảo sát thực tế tại một số tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số có tỷ lệ sinh con tại nhà cao, làm cơ sở xây dựng hướng dẫn các địa phương triển khai gói hỗ trợ sinh đẻ an toàn. Đồng thời, hướng dẫn Hội LHPN các tỉnh, thành tuyên truyền, vận động phụ nữ đến sinh con tại cơ sở y tế, tuyên truyền giới thiệu về gói hỗ trợ đến hội viên, phụ nữ.

2. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, thành phố

Tham mưu cho UBND tỉnh, thành phố chỉ đạo, tổ chức thực hiện các hoạt động cụ thể theo nội dung của Dự án như sau:

TT	Nội dung hoạt động năm 2022	Chỉ tiêu giai đoạn 1: 2021- 2025	Dự kiến chỉ tiêu cần đạt năm 2022, 2023
	<i>Nội dung 1. Tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em</i>		

HD1	<i>Xây dựng các nhóm truyền thông tiên phong thay đổi trong cộng đồng</i>		
1	Thành lập và duy trì Tổ truyền thông cộng đồng (thu hút sự tham gia của cả nam giới, nữ giới là những người có uy tín trong thôn, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo,...); hỗ trợ trang thiết bị cơ bản phục vụ công tác truyền thông trên cơ sở rà soát những thiết bị đã được trang bị tại cấp thôn.	9.000 tổ	9.000 tổ Các tỉnh, thành thực hiện trong năm 2022 và hoàn thành trước tháng 6/2023
2	Tập huấn hướng dẫn vận hành và quản lý Tổ truyền thông theo Sổ tay hướng dẫn truyền thông .	1000 cuộc	1000 cuộc (các tỉnh tập huấn từ năm 2022 và hoàn thiện nhất vào năm 2023)
HD 2	<i>Thực hiện các chiến dịch truyền thông xóa bỏ định kiến và khuôn mẫu giới, xây dựng môi trường sống an toàn cho phụ nữ và trẻ em</i>		
1	Hỗ trợ Tổ truyền thông tổ chức hoạt động (xây dựng nội dung, thông điệp và tổ chức hoạt động truyền thông tại cộng đồng)	Thực hiện thường xuyên hàng quý	Mỗi tổ truyền thông tổ chức được ít nhất 01 cuộc truyền thông hàng quý tại cộng đồng/hoặc gắn với cuộc họp thôn/bản
2	Xây dựng chương trình truyền thông trên các kênh truyền thông đại chúng tại địa phương		- Mỗi tỉnh xây dựng được 01 chương trình truyền thông và phát trên sóng PT&TH địa phương. - Tại mỗi xã, hàng tháng tổ chức truyền thông trên loa phát thanh xã đến các thôn.
3	Xây dựng mạng lưới truyền thông trên nền tảng số để chia sẻ hoạt động của các Tổ truyền thông (xây dựng các nhóm zalo, facebook)		Các tổ truyền thông đều ứng dụng zalo/facebook trong công tác truyền thông, chia sẻ, cập nhật thông tin
4	Phát triển các sản phẩm truyền thông (tài liệu, tờ gấp, áp phích,	Hàng năm	Tùy điều kiện địa phương xây dựng tài

	clip...) phù hợp với đặc điểm văn hóa, bản sắc dân tộc của địa phương		liệu phù hợp
HD 4	<i>Đề xuất gói chính sách hỗ trợ phụ nữ DTTS sinh đẻ an toàn</i>		
1	Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và vận động phụ nữ sinh con tại cơ sở y tế thông qua tổ chức các chiến dịch truyền thông tại cơ sở và gắn với các buổi sinh hoạt chi tổ phụ nữ.	80% phụ nữ DTTS có tỷ lệ sinh con tại nhà cao được tuyên truyền, tư vấn, tiếp cận với dịch vụ sinh đẻ an toàn.	Năm 2022, các tỉnh có tỷ lệ sinh con tại nhà cao chủ động tổ chức hoạt động phù hợp với tình hình của địa phương và tiến hành rà soát thực tế để có cơ sở đề xuất hỗ trợ
Nội dung 2. Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em			
HD1	<i>Phát triển và nhân rộng mô hình tiết kiệm và tín dụng tự quản để tăng cường tiếp cận tín dụng, cải thiện cơ hội sinh kế, tạo cơ hội tạo thu nhập và lồng ghép giới</i>		
1	Thành lập mới Tổ tiết kiệm vốn vay thôn bản (TKVVTB): tiến hành rà soát, đánh giá nhu cầu và lập danh sách; thành lập Tổ TKVVTB; hỗ trợ hòm giữ tiết kiệm và chi phí tổ chức sinh hoạt trong 3 tháng đầu	6.750 tổ trong đó 3.000 tổ tại thôn ĐBKK	6.750 tổ (Các tỉnh tiến hành thành lập từ năm 2022 và hoàn thành muộn nhất vào năm 2023)
2	Tập huấn hướng dẫn thành lập và vận hành tổ TKVVTB, tổ TKVVTB và tài chính chính thức (TKVVTB&TCCT), tổ TKVVTB & sinh kế (TKVVTB&SK) theo Sổ tay hướng dẫn.	240 lớp	Các tỉnh triển khai tập huấn từ 2022 và hoàn thành vào năm 2023
3	Thí điểm phát triển Tổ TKVVTB thành tổ TKVVTB và TCCT để tăng cường tiếp cận dịch vụ tài chính chính thức của thành viên	900 tổ	Rà soát, đánh giá nhu cầu, lập danh sách vào năm 2022 và triển khai thí điểm từ 2023
4	Thí điểm phát triển Tổ TKVVTB tích hợp với phát triển sinh kế (SK)	900 tổ	Rà soát, đánh giá nhu cầu, lập danh sách

	thành Tổ TKVVTB&SK		vào năm 2022 và triển khai thí điểm từ 2023
5	Áp dụng phương pháp học tập và hành động giới cho Tổ TKVVTB	1.800 tổ	Các tỉnh rà soát, đánh giá nhu cầu, lập danh sách vào năm 2022 và triển khai thí điểm từ 2023
<i>HD2</i>	<i>Hỗ trợ ứng dụng công nghệ 4.0 để nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ DTTS</i>		
1	Hỗ trợ thí điểm mô hình sinh kế do phụ nữ làm chủ (tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, hợp tác xã có phụ nữ làm chủ hoặc đồng làm chủ) ứng dụng công nghệ 4.0 để quảng bá, phát triển các sản phẩm bản địa, cải thiện sản xuất, quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc, kết nối thị trường	500 tổ/nhóm	Các tỉnh rà soát, đánh giá nhu cầu, lập danh sách vào năm 2022 và triển khai thí điểm từ 2023
<i>HD3</i>	<i>Hỗ trợ ứng dụng công nghệ 4.0 để nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ DTTS</i>		
1	Củng cố, nâng cao chất lượng mô hình địa chỉ tin cậy (ĐCTC) hiện có thành Địa chỉ An toàn (ĐCAT)	500 ĐCAT	500 ĐCAT (các tỉnh rà soát và củng cố trong năm 2022)
2	Tổ chức tập huấn hướng dẫn cho chủ ĐCAT về vận hành mô hình và phương pháp hỗ trợ nạn nhân		Trên cơ sở tập huấn hướng dẫn của TW, tỉnh chủ động tập huấn hướng dẫn cho chủ ĐCAT, cán bộ hội cơ sở
<i>HD 4</i>	<i>Thí điểm và nhân rộng mô hình hỗ trợ phát triển sinh kế, hòa nhập cộng đồng cho nạn nhân mua bán người</i>		
1	Vận động và hỗ trợ nạn nhân mua bán trở về được tham gia vào các Tổ TKVVTB và các mô hình được củng cố từ Tổ TKVVTB tại các xã, thôn ĐBKK	1.500 lượt nạn nhân	Các tỉnh rà soát, đánh giá nhu cầu và lập danh sách trong năm 2022
<i>Nội dung 3. Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng; giám sát và phản biện; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị</i>			

<i>HD 1</i>	<i>Đảm bảo tiếng nói và vai trò của phụ nữ trong các vấn đề kinh tế - xã hội tại địa phương, trong đó có thực hiện CTMTQG 1719</i>		
1	Tổ chức tập huấn hướng dẫn tổ chức Đối thoại chính sách ở cấp cơ sở theo Sổ tay hướng dẫn	240 lớp	Các tỉnh tiến hành tập huấn từ năm 2022 và hoàn thành vào năm 2022
2	Thực hiện giám sát các hoạt động theo chủ đề/vấn đề do Hội chủ động đề xuất, chủ trì hoặc phối hợp thực hiện		Các tỉnh chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện giám sát hỗ trợ phụ nữ, trẻ em tại vùng đồng bào DTTS & MN theo chức năng nhiệm vụ từng cấp Hội tại địa phương
3	Vận động và hướng dẫn hội viên phụ nữ tham gia các hoạt động cộng đồng: các cuộc họp dân, tiếp xúc cử tri của đại biểu dân cử tại địa bàn, đóng góp ý kiến xây dựng hệ thống chính trị.		Các tỉnh chủ động tổ chức hoạt động hoặc gắn với sinh hoạt chi hội thường kỳ
<i>HD2</i>	<i>Đảm bảo tiếng nói và vai trò của trẻ em gái trong phát triển kinh tế-xã hội của cộng đồng thông qua mô hình CLB “thủ lĩnh của sự thay đổi”</i>		
1	Thành lập CLB thủ lĩnh của sự thay đổi tại trường học trong thôn bản; trang bị một số vật dụng cần thiết phục vụ hoạt động và hỗ trợ tổ chức một số buổi sinh hoạt làm mẫu	1.800 CLB	Các tỉnh rà soát, lập danh sách vào năm 2022 và triển khai thí điểm từ 2023
2	Tập huấn cho cán bộ ở cơ sở về cách thức thành lập và vận hành CLB theo Sổ tay hướng dẫn	240	Các tỉnh triển khai tập huấn trong năm 2022
<i>HD3</i>	<i>Công tác giám sát và đánh giá về thực hiện bình đẳng giới trong CTMTQG DTTS&MN</i>		
1	Tập huấn hướng dẫn giám sát, đánh giá về bình đẳng giới trong thực hiện Chương trình MTQG theo Sổ tay hướng dẫn của TW (cho cán bộ cấp xã và thôn bản)	600 cuộc	Các tỉnh triển khai tập huấn từ 2022 và hoàn thành năm 2023
2	Tổ chức Hội nghị sơ kết năm đánh giá, rút kinh nghiệm triển khai thực hiện Dự án 8 và thực hiện bình đẳng		Ít nhất 01 cuộc/năm (Hội LHPN tỉnh tham mưu cho UBND tỉnh

	giới trong Chương trình MTQG		tổ chức hàng năm)
Nội dung 4. Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới (LGG) cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng			
HĐ 3	Các hoạt động phát triển năng lực thực hiện bình đẳng cho cán bộ các cấp		
1	Tổ chức tập huấn cho cán bộ cấp huyện, cấp xã theo Chương trình 2 về phát triển năng lực LGG	480 lớp 8.400 cán bộ huyện, xã	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với các tỉnh đã được TW tập huấn TOT¹: Tiếp tục tham gia tập huấn củng cố tại lớp TOT do TW tổ chức; Tiến hành tập huấn lại trong năm 2022 - Đối với các tỉnh chưa được tập huấn TOT: năm 2022 tham gia tập huấn TOT do TW tổ chức. Tùy địa phương có thể tổ chức tập huấn từ năm 2022
2	Tổ chức tập huấn theo Chương trình 3 về phát triển năng lực LGG cho cộng đồng, gồm: cán bộ thôn bản, người có uy tín trong thôn	1.600 lớp Khoảng 8.000 học viên	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với các tỉnh đã được TW tập huấn TOT²: Tiến hành tập huấn lại trong năm 2022 - Đối với các tỉnh chưa được TW tập huấn TOT: năm 2022 tham gia tập huấn TOT do TW tổ chức và có thể tổ chức tập huấn lại tại địa phương từ năm 2022

(Có dự kiến phân bổ chỉ tiêu thực hiện Dự án giai đoạn I: 2021 -2025 đính kèm)

¹ Gồm 14 tỉnh miền núi phía Bắc: Lào Cai, Sơn La, Hòa Bình, Điện Biên, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Phú Thọ, Bắc Giang, Hà Giang, Cao Bằng, Tuyên Quang, Bắc Kạn, Lai Châu, Yên Bái

² Gồm 14 tỉnh miền núi phía Bắc: Lào Cai, Sơn La, Hòa Bình, Điện Biên, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Phú Thọ, Bắc Giang, Hà Giang, Cao Bằng, Tuyên Quang, Bắc Kạn, Lai Châu, Yên Bái

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trung ương Hội LHPN Việt Nam

- Hướng dẫn các địa phương thực hiện giám sát, đánh giá thực hiện lồng ghép giới, thúc đẩy bình đẳng giới trong Chương trình MTQG 1719 ; phối hợp với UBND các tỉnh, thành chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Dự án 8 tại các địa phương.

- Ban hành hướng dẫn triển khai thực hiện Dự án và các tài liệu hướng dẫn địa phương triển khai thực hiện các mô hình, hoạt động của Dự án 8.

- Theo dõi, giám sát và hỗ trợ kỹ thuật cho Hội LHPN các tỉnh, thành triển khai thực hiện Dự án. Tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện Dự án năm 2022 và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện trên toàn quốc báo cáo cơ quan Chủ quản tổng hợp báo cáo Chính phủ.

- Vận động, khai thác, huy động nguồn lực xã hội hóa từ các tổ chức quốc tế, doanh nghiệp trong và ngoài nước hỗ trợ thực hiện Dự án 8.

- Ban Dân tộc Tôn giáo chủ trì, phối hợp với các ban, đơn vị cơ quan Trung ương Hội LHPN Việt Nam xây dựng Kế hoạch hoạt động và dự toán ngân sách triển khai các nhiệm vụ của Dự án tại cấp Trung ương.

- Các ban, đơn vị cơ quan Trung ương Hội tham gia thực hiện Dự án 8 theo nhiệm vụ được phân công.

2. Hội LHPN các tỉnh, thành

- Đầu mối tham mưu cho UBND tỉnh, thành phố xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách triển khai Dự án 8 tại địa phương trên cơ sở chỉ đạo, hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội LHPN Việt Nam và phù hợp với tình hình thực tế.

- Chủ động vận động, huy động, phối kết hợp các nguồn lực để chủ động triển khai kịp thời các hoạt động theo kế hoạch.

- Phân công 01 lãnh đạo phụ trách và 01 ban đầu mối tham mưu tổ chức thực hiện Dự án 8 tại địa phương. Chủ động phối hợp với Văn phòng điều phối Chương trình cấp tỉnh, các sở, ngành liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện Dự án.

- Trên cơ sở dự kiến của TW phân bổ chỉ tiêu thực hiện Dự án 8 giai đoạn 2021 - 2025 đính kèm Kế hoạch, Hội LHPN các tỉnh, thành rà soát, đăng ký chỉ tiêu cụ thể từng năm gửi về Trung ương Hội **trước ngày 15/4/2022** (qua Ban Dân tộc - Tôn giáo).

- Đối với các tỉnh, thành tự chủ về ngân sách thực hiện Dự án 8: chủ động tham mưu xây dựng Kế hoạch hoạt động trên cơ sở hướng dẫn của trung ương và đề xuất ngân sách thực hiện Dự án với UBND tỉnh hàng năm và giai đoạn.

- Báo cáo năm về tiến độ, kết quả thực hiện Dự án 8 theo mẫu đính kèm, gửi TW Hội LHPN Việt Nam trước **ngày 20 tháng 9** và cập nhật **bổ sung số liệu năm thực hiện trước ngày 05 tháng 2 năm sau** (qua Ban Dân tộc - Tôn giáo).

Trên đây là kế hoạch thực hiện Dự án 8 năm 2022, Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội LHPN Việt Nam đề nghị các ban/đơn vị cơ quan Trung ương Hội LHPN Việt Nam, Hội LHPN các tỉnh/thành tổ chức thực hiện bám sát yêu cầu

của Kế hoạch và đảm bảo hiệu quả, thiết thực. Trong quá trình triển khai thực hiện, liên hệ Ban Dân tộc - Tôn giáo, Trung ương Hội LHPN Việt Nam để được hỗ trợ, hướng dẫn (Điện thoại: 0243.3972.0250). *HB*

Nơi nhận:

- VP điều phối CT MTQG;
- UBND;
- Thường trực ĐCT TW Hội;
- Các ban, đơn vị TW Hội;
- Hội LHPN 51 tỉnh/thành theo QĐ 861/QĐ-TTG;
- Lưu: VT, DTTG.

**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Thị Hương

HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM

DỰ KIẾN PHÂN BỐ CHỈ TIÊU THỰC HIỆN DỰ ÁN 8 GIAI ĐOẠN I: 2021 - 2025

(Đính kèm Kế hoạch số 421/KH-ĐCT ngày 08/3/2022)

STT	Địa phương	Số xã ĐBKK (Theo QĐ 861)	Số thôn ĐBKK (Theo QĐ 612)	Định hướng mục tiêu Dự án 8 giai đoạn I: 2021- 2025														
				Tổ truyền thông nâng cao nhận thức		Nâng cao quyền năng kinh tế và giải quyết vấn đề cấp thiết của PN&TE							Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia của PN&TE; Thúc đẩy vai trò lãnh đạo của PN trong hệ thống chính trị		Nâng cao năng lực CB trong hệ thống chính trị về BDG, LGG			
				Thành lập tổ truyền thông cộng đồng (tổ)	Tập huấn hướng dẫn vận hành và quản lý tổ truyền thông (cuộc)	Tập huấn hướng dẫn thành lập và vận hành tổ TKVVT B (cuộc)	Thành lập mới Tổ TKVVT B (tổ)	Thí điểm Tổ TKVVT B&TCC T trên cơ sở tổ TKVVT B sẵn có (tổ)	Thí điểm Tổ TKVVT B & SK trên cơ sở tổ TKVVT B sẵn có (tổ)	Tổ TKVVT B áp dụng phương pháp học tập và hành động giới (tổ)	Tổ nhóm sinh kế do PN làm chủ ứng dụng công nghệ 4.0 (tổ)	Củng cố Địa chỉ tin cậy cộng đồng hiện có thành Địa chỉ an toàn (ĐCAT)	Thành lập mới ĐCAT	Đối thoại chính sách cấp xã và cụm thôn bản 2.200 cuộc x 2 đợt	Thành lập CLB thủ lĩnh của sự thay đổi (CLB)	Tập huấn hướng dẫn GS&ĐG về BDG cho CB xã, thôn (Cuộc)	Tập huấn LGG (chương trình 2) cho CB huyện, xã (cuộc)	Tập huấn LGG (Chương trình 3) cho cán bộ thôn, bản tại 9000 thôn (cuộc)
	Chỉ tiêu đầu ra đến năm 2025			9000	1000	240	6750	900	900	1800	500	500	500	4400	1800	600	480	1600
	Thời gian hoàn thành			2022-2023	2022-2023	2022-2023	2022-2023	2023-2024	2023-2024	2023-2024	2022-2024	2022-2023	2023-2024	2023-2024	2023-2024	2023-2024	2022-2023	2022-2024
	Tổng cộng	1622	1737	9000	1000	240	6750	900	900	1800	500	500	500	4400	1800	600	480	1600
1	Hà Nội	0		0						0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Hà Giang	133	71	680	76	18	510	68	68	136	38	38	38	332	136	45	36	121
3	Cao Bằng	128	37	625	69	17	469	63	63	125	35	35	35	306	125	42	33	111
4	Bắc Kạn	72	49	370	41	10	277	37	37	74	21	21	21	181	74	25	20	66
5	Tuyên Quang	66	74	365	41	10	274	37	37	73	20	20	20	179	73	24	19	65
6	Lào Cai	70	113	423	47	11	318	42	42	85	24	24	24	207	85	28	23	75

STT	Địa phương	Số xã ĐBK (Theo QĐ 861)	Số thôn ĐBK (Theo QĐ 612)	Định hướng mục tiêu Dự án 8 giai đoạn I: 2021- 2025															
				Tổ truyền thông nâng cao nhận thức		Nâng cao quyền năng kinh tế và giải quyết vấn đề cấp thiết của PN&TE										Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia của PN&TE; Thúc đẩy vai trò lãnh đạo của PN trong hệ thống chính trị		Nâng cao năng lực CB trong hệ thống chính trị về ĐG, LGG	
				Thành lập tổ truyền thông cộng đồng (tổ)	Tập huấn hướng dẫn vận hành và quản lý tổ truyền thông (cuộc)	Tập huấn hướng dẫn thành lập và vận hành tổ TKVVT B (cuộc)	Thành lập mới Tổ TKVVT B (tổ)	Thí điểm Tổ TKVVT B & TCC T trên cơ sở tổ TKVVT B sẵn có (tổ)	Thí điểm Tổ TKVVT B & SK trên cơ sở tổ TKVVT B sẵn có (tổ)	Tổ TKVVT B áp dụng phương pháp học tập và hành động giới (tổ)	Tổ nhóm sinh kế do PN làm chủ ứng dụng công nghệ 4.0 (tổ)	Củng cố Địa chỉ tin cậy cộng đồng hiện có thành Địa chỉ an toàn (ĐCAT)	Thành lập mới ĐCAT	Đối thoại chính sách cấp xã và cụm thôn bản 2.200 cuộc x 2 đợt	Thành lập CLB thủ lĩnh của sự thay đổi (CLB)	Tập huấn hướng dẫn GS&ĐG về ĐG cho CB xã, thôn (Cuộc)	Tập huấn LGG (chương trình 2) cho CB huyện, xã (cuộc)	Tập huấn LGG (Chương trình 3) cho cán bộ thôn, bản tại 9000 thôn (cuộc)	
7	Điện Biên	94	51	481	53	13	361	48	48	96	27	27	27	235	96	32	26	86	
8	Lai Châu	58	81	344	38	9	258	34	34	69	19	19	19	168	69	23	18	61	
9	Sơn La	127	89	660	73	18	495	66	66	132	37	37	37	323	132	44	35	117	
10	Yên Bái	59	52	314	35	8	235	31	31	63	17	17	17	153	63	21	17	56	
11	Hoà Bình	64	60	343	38	9	258	34	34	69	19	19	19	168	69	23	18	61	
12	Thái Nguyên	34	29	180	20	5	135	18	18	36	10	10	10	88	36	12	10	32	
13	Lạng Sơn	93	91	506	56	13	379	51	51	101	28	28	28	247	101	34	27	90	
14	Quảng Ninh																		
15	Bắc Giang	28	55	176	20	5	132	18	18	35	10	10	10	86	35	12	9	31	
16	Phú Thọ	31	47	183	20	5	137	18	18	37	10	10	10	89	37	12	10	32	
17	Vĩnh Phúc	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
18	Ninh Bình	2		9	1	0	7	1	1	2	1	1	1	4	2	1	0	2	
19	Thanh Hoá	24	168	264	29	7	198	26	26	53	15	15	15	129	53	18	14	47	
20	Nghệ An	77	36	390	43	10	293	39	39	78	22	22	22	191	78	26	21	69	
21	Hà Tĩnh	0	2	2	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	
22	Quảng Bình	11	8	61	7	2	45	6	6	12	3	3	3	30	12	4	3	11	

STT	Địa phương	Số xã ĐBK (Theo QĐ 861)	Số thôn ĐBK (Theo QĐ 612)	Định hướng mục tiêu Dự án 8 giai đoạn I: 2021- 2025																
				Tổ truyền thông nâng cao nhận thức		Nâng cao quyền năng kinh tế và giải quyết vấn đề cấp thiết của PN&TE										Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia của PN&TE; Thúc đẩy vai trò lãnh đạo của PN trong hệ thống chính trị		Nâng cao năng lực CB trong hệ thống chính trị về ĐDG, LGG		
				Thành lập tổ truyền thông cộng đồng (tổ)	Tập huấn hướng dẫn vận hành và quản lý tổ truyền thông (cuộc)	Tập huấn hướng dẫn thành lập và vận hành tổ TKVVT B (cuộc)	Thành lập mới Tổ TKVVT B (tổ)	Thí điểm Tổ TKVVT B&TCC T trên cơ sở tổ TKVVT B sẵn có (tổ)	Thí điểm Tổ TKVVT B & SK trên cơ sở tổ TKVVT B sẵn có (tổ)	Tổ TKVVT B áp dụng phương pháp học tập và hành động giới (tổ)	Tổ nhóm sinh kế do PN làm chủ ứng dụng công nghệ 4.0 (tổ)	Củng cố Địa chỉ tin cậy cộng đồng hiện có thành Địa chỉ an toàn (ĐCAT)	Thành lập mới ĐCAT	Đối thoại chính sách cấp xã và cụm thôn bản 2.200 cuộc x 2 đợt	Thành lập CLB thủ lĩnh của sự thay đổi (CLB)	Tập huấn hướng dẫn GS&ĐG về ĐDG cho CB xã, thôn (Cuộc)	Tập huấn LGG (chương trình 2) cho CB huyện, xã (cuộc)	Tập huấn LGG (Chương trình 3) cho cán bộ thôn, bản tại 9000 thôn (cuộc)		
23	Quảng Trị	28	16	147	16	4	110	15	15	29	8	8	8	72	29	10	8	26		
24	Thừa Thiên Huế	14	5	72	8	2	54	7	7	14	4	4	4	35	14	5	4	13		
25	Quảng Nam	58	16	282	31	8	211	28	28	56	16	16	16	138	56	19	15	50		
26	Quảng Ngãi	53	6	245	27	7	184	24	24	49	14	14	14	120	49	16	13	44		
27	Bình Định	22	7	106	12	3	79	11	11	21	6	6	6	52	21	7	6	19		
28	Phú Yên	12	10	63	7	2	47	6	6	13	4	4	4	31	13	4	3	11		
29	Khánh Hoà	20	10	99	11	3	75	10	10	20	6	6	6	49	20	7	5	18		
30	Ninh Thuận	15	10	77	9	2	58	8	8	15	4	4	4	38	15	5	4	14		
31	Bình Thuận	3	10	23	3	1	17	2	2	5	1	1	1	11	5	2	1	4		
32	Kon Tum	52	39	274	30	7	205	27	27	55	15	15	15	134	55	18	15	49		
33	Gia Lai	43	188	364	40	10	273	36	36	73	20	20	20	178	73	24	19	65		
34	Đắk Lắk	54	74	312	35	8	234	31	31	62	17	17	17	153	62	21	17	56		
35	Đắk Nông	13	38	93	10	2	70	9	9	19	5	5	5	46	19	6	5	17		
36	Lâm Đồng	7	48	75	8	2	56	8	8	15	4	4	4	37	15	5	4	13		
37	Bình Phước	5	25	46	5	1	35	5	5	9	3	3	3	23	9	3	2	8		

STT	Địa phương	Số xã ĐBKK (Theo QĐ 861)	Số thôn ĐBKK (Theo QĐ 612)	Định hướng mục tiêu Dự án 8 giai đoạn I: 2021- 2025																
				Tổ truyền thông nâng cao nhận thức		Nâng cao quyền năng kinh tế và giải quyết vấn đề cấp thiết của PN&TE								Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia của PN&TE; Thúc đẩy vai trò lãnh đạo của PN trong hệ thống chính trị		Nâng cao năng lực CB trong hệ thống chính trị về ĐDG, LGG				
				Thành lập tổ truyền thông cộng đồng (tổ)	Tập huấn hướng dẫn vận hành và quản lý tổ truyền thông (cuộc)	Tập huấn hướng dẫn thành lập và vận hành tổ TKVVT B (cuộc)	Thành lập mới Tổ TKVVT B (tổ)	Thí điểm Tổ TKVVT B&TCC T trên cơ sở tổ TKVVT B sẵn có (tổ)	Thí điểm Tổ TKVVT B & SK trên cơ sở tổ TKVVT B sẵn có (tổ)	Tổ TKVVT B áp dụng phương pháp học tập và hành động giới (tổ)	Tổ nhóm sinh kế do PN làm chủ ứng dụng công nghệ 4.0 (tổ)	Củng cố Địa chỉ tin cậy cộng đồng hiện có thành Địa chỉ an toàn (ĐCAT)	Thành lập mới ĐCAT	Đối thoại chính sách cấp xã và cụm thôn bản 2.200 cuộc x 2 đợt	Thành lập CLB thủ lĩnh của sự thay đổi (CLB)	Tập huấn hướng dẫn GS&ĐG về ĐDG cho CB xã, thôn (Cuộc)	Tập huấn LGG (chương trình 2) cho CB huyện, xã (cuộc)	Tập huấn LGG (Chương trình 3) cho cán bộ thôn, bản tại 9000 thôn (cuộc)		
38	Tây Ninh	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
39	Bình Dương	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
40	Đồng Nai	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
41	Bà Rịa - Vũng Tàu	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
42	Long An	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
43	Trà Vinh	15	10	77	9	2	58	8	8	15	4	4	4	4	38	15	5	4	14	
44	Vĩnh Long	2	4	13	1	0	9	1	1	3	1	1	1	1	6	3	1	1	2	
45	An Giang	7	10	41	5	1	31	4	4	8	2	2	2	20	8	3	2	7		
46	Kiên Giang	4	10	27	3	1	20	3	3	5	2	2	2	13	5	2	1	5		
47	Cần Thơ	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
48	Hậu Giang	2		9	1	0	7	1	1	2	1	1	1	4	2	1	0	2		
49	Sóc Trăng	17	45	118	13	3	88	12	12	24	7	7	7	57	24	8	6	21		
50	Bạc Liêu	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
51	Cà Mau	5	43	61	7	2	46	6	6	12	3	3	3	30	12	4	3	11		

HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM

MẪU BIỂU TỔNG HỢP BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN 8

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 12/KH-ĐCT ngày 8 tháng 3 năm 2022 của Đoàn Chủ tịch TW Hội LHPN)

I. MẪU BÁO CÁO TỔNG HỢP

(Theo PHỤ LỤC SỐ 03 - MẪU SỐ 3.1 - Thông tư hướng dẫn quy trình giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình 1719)

TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/BC

..... ngày tháng năm

BÁO CÁO KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN 8

“Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” - Chương trình mục tiêu quốc gia “Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030”,
giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

6 tháng năm /năm

I. Tình hình thực hiện Dự án 8 (6 tháng đầu năm .../năm)

1. Ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ thực hiện Dự án tại địa phương

- Tình hình xây dựng và ban hành các cơ chế chính sách, hướng dẫn hỗ trợ thực hiện liên quan đến Dự án

- Đánh giá những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc về ban hành và triển khai các cơ chế chính sách, hướng dẫn chung và các cơ chế chính sách, hướng dẫn đặc thù của địa phương trong thực hiện Dự án.

2. Công tác chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện Dự án

- Về bố trí nhân sự chỉ đạo, điều hành thực hiện DA tại địa phương (Ban chỉ đạo, bộ máy giúp việc, cán bộ đầu mối ...)

- Cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành trong quá trình tổ chức thực hiện Dự án

- Về lập kế hoạch, giao kế hoạch và phê duyệt thực hiện Dự án

- Về thông tin, truyền thông, vận động

- Về nâng cao năng lực cho cán bộ các cấp, cộng đồng, người dân.

- Về theo dõi, giám sát, đánh giá thực hiện Dự án

- Về bố trí, huy động, phân bổ, sử dụng, lồng ghép nguồn lực

- Đánh giá những thuận lợi, khó khăn, hạn chế về công tác chỉ đạo điều hành, triển khai thực hiện Dự án.

3. Tình hình thực hiện Dự án

3.1. Nội dung số 01: Hoạt động tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và

cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em.

- Kết quả, tiến độ triển khai từng hoạt động trong năm; chỉ ra những kết quả nổi bật/thay đổi tích cực so với kỳ báo cáo trước.

- Những kinh nghiệm tốt, cách làm hay của các mô hình, hoạt động

- Đánh giá kết quả đạt được so với chỉ tiêu đặt ra trong năm và giai đoạn; Những khó khăn/vướng mắc trong quá trình thực hiện

3.2. Nội dung số 2: Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em

- Kết quả, tiến độ triển khai từng hoạt động trong năm; chỉ ra những kết quả nổi bật/thay đổi tích cực so với kỳ báo cáo trước.

- Những kinh nghiệm tốt, cách làm hay của các mô hình, hoạt động

- Đánh giá kết quả đạt được so với chỉ tiêu đặt ra trong năm và giai đoạn; Những khó khăn/vướng mắc trong quá trình thực hiện

3.3. Nội dung số 3: Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế-xã hội của cộng đồng, giám sát và phản biện; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị.

- Kết quả, tiến độ triển khai từng hoạt động trong năm; chỉ ra những kết quả nổi bật/thay đổi tích cực so với kỳ báo cáo trước.

- Những kinh nghiệm tốt, cách làm hay của các mô hình, hoạt động

- Đánh giá kết quả đạt được so với chỉ tiêu đặt ra trong năm và giai đoạn; Những khó khăn/vướng mắc trong quá trình thực hiện

3.4. Nội dung số 04: Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng.

- Kết quả, tiến độ triển khai từng hoạt động trong năm; chỉ ra những kết quả nổi bật/thay đổi tích cực so với kỳ báo cáo trước.

- Những kinh nghiệm tốt, cách làm hay của các mô hình, hoạt động

- Đánh giá kết quả đạt được so với chỉ tiêu đặt ra trong năm và giai đoạn; Những khó khăn/vướng mắc trong quá trình thực hiện

(kèm theo biểu số 2.8 Phụ lục số 02 báo cáo kết quả thực hiện Dự án 8 - Thông tư hướng dẫn quy trình giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình 1719 của UBND)

4. Tình hình lồng ghép giới, thúc đẩy thực hiện bình đẳng giới trong Chương trình 1719

- *Kết quả thực hiện: Cung cấp báo cáo theo mẫu biểu trong tài liệu hướng dẫn giám sát và đánh giá về giới trong CTMTQG DTTS&MN giai đoạn 2021-2025*

- *Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện và nguyên nhân.*

5. Tiến độ thực hiện các mục tiêu và chỉ tiêu chủ yếu của Dự án

- Kết quả, tiến độ thực hiện chỉ số kết quả chủ yếu của dự án 8 thuộc Chương trình 1719 *(theo biểu số liệu chỉ số kết quả chủ yếu tại phụ lục 01 - Thông tư hướng*

dẫn quy trình giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình 1719 của UBND): Chỉ ra chỉ tiêu chủ yếu đã đạt kế hoạch đề ra; những chỉ tiêu chủ yếu chưa đạt kế hoạch đặt ra trong kỳ báo cáo)

- Phân tích các nguyên nhân, yếu tố ảnh hưởng, các bài học, kinh nghiệm tốt, cách làm hay, các khó khăn, hạn chế của địa phương.

6. Bố trí, huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực thực hiện Dự án

- Ngân sách Trung ương (trong đó, vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp);

- Ngân sách địa phương (vốn đối ứng: trong đó, vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp; vốn lồng ghép: trong đó, vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp);

- Nguồn huy động khác (tín dụng; huy động doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; đóng góp của người dân, cộng đồng; hợp tác quốc tế, dự án tài trợ) cho từng dự án thuộc phạm vi quản lý).

- Đánh giá chung về công tác huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực; những thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân.

(kèm theo biểu tổng hợp số liệu báo cáo kết quả huy động, phân bổ và thực hiện nguồn lực theo mẫu tại Thông tư hướng dẫn quy trình giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình 1719 của UBND)

II. Đánh giá chung

1. Về công tác chỉ đạo, theo dõi, giám sát triển khai Dự án
2. Sự phối hợp, tham gia của các ngành trong quá trình thực hiện Dự án
3. Đánh giá chung về kết quả nổi bật đạt được
4. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

III. Phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch 6 tháng cuối năm.../năm.....

1. Mục tiêu, các chỉ tiêu chủ yếu dự kiến/phần đầu đạt được

2. Các nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện và giải pháp

2.1. Nhiệm vụ trọng tâm (theo 04 nội dung hoạt động chính của Dự án)

2.2. Các giải pháp

- Về chỉ đạo điều hành, chỉ đạo, ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ thực hiện Dự án

- Về cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành trong quá trình tổ chức thực hiện Dự án

- Về bố trí, huy động, phân bổ, sử dụng, lồng ghép nguồn lực

- Về lập kế hoạch, giao kế hoạch thực hiện Dự án

- Giải pháp về thông tin, truyền thông, vận động

- Giải pháp, nhiệm vụ về nâng cao năng lực cho cán bộ các cấp, cộng đồng, người dân.

- Về theo dõi, giám sát, đánh giá thực hiện Dự án

3. Dự kiến huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực

IV. Đề xuất, kiến nghị

1. Đề xuất, kiến nghị với các cơ quan, các cấp địa phương

2. Đề xuất, kiến nghị với các cơ quan Trung ương

V. Phục lục báo cáo (gồm: biểu tổng hợp số liệu về chỉ số kết quả chủ yếu của dự án trong Chương trình 1719; Biểu số liệu báo cáo kết quả thực hiện Dự án 8; biểu báo cáo số liệu về bố trí, huy động, phân bổ và thực hiện nguồn lực)

Nơi nhận:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký tên, đóng dấu)

II. CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO

1. PHỤ LỤC SỐ 01 (Theo PHỤ LỤC SỐ 01 - Thông tư hướng dẫn quy trình giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình 1719)

TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CÁC CHỈ SỐ KẾT QUẢ CHỦ YẾU THỰC HIỆN DỰ ÁN 8

Trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

Giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

Kỳ báo cáo: từ tháng..... năm..... đến tháng..... năm.....

TT	Chỉ số (tại địa bàn thực hiện Chương trình ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi)	Đơn vị tính	Phân tổ số liệu	Số liệu gốc (đến cuối 2020)	Số liệu thực hiện trong kỳ báo cáo	Chỉ tiêu kế hoạch năm báo cáo	Số liệu lũy kế đến thời điểm báo cáo	Chỉ tiêu kế hoạch cả giai đoạn 2021-2025	Tần suất báo cáo	Nguồn thông tin	Trách nhiệm theo dõi, báo cáo			Ghi chú
											Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp Trung ương	
1.	Tỷ lệ người dân ở vùng DTTS&MN tiếp cận thông tin về BDG thông qua các hoạt động truyền thông dựa vào cộng đồng	%	Nam/nữ						Giữa kỳ, 5 năm	Số liệu điều tra giữa kỳ, cuối kỳ			TW Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	Hội PN tỉnh tham mưu cho UBND tỉnh, tổng hợp số liệu BC TƯ Hội
2.	Tỷ lệ cán bộ các cấp ở vùng DTTS&MN được trang bị kiến thức về bình đẳng giới và kỹ năng lồng ghép giới	%	Tỉnh, huyện, xã						Giữa kỳ, 5 năm	Số liệu điều tra giữa kỳ, cuối kỳ			TW Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	Hội PN tỉnh tham mưu cho UBND tỉnh, tổng hợp số

														liệu BC TƯ' Hội
3.	Tỷ lệ phụ nữ DTTS cải thiện tiếp cận tín dụng thông qua các tổ TKVVVB	%						Hàng năm	BC thực hiện CT	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	TW Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	Hội PN tỉnh tham mưu cho UBND tỉnh, tổng hợp số liệu BC TƯ' Hội	
4.	Tỷ lệ thanh niên DTTS được tiếp cận thông tin thông qua mô hình CLB "thủ lĩnh của sự thay đổi"	%	Nam/nữ					Hàng năm	BC thực hiện CT	UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh	TW Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	Hội PN tỉnh tham mưu cho UBND tỉnh, tổng hợp số liệu BC TƯ' Hội	

Ghi chú:

....., ngày tháng năm

CƠ QUAN BÁO CÁO*(ký tên, đóng dấu)*

- Các cơ quan chính quyền địa phương và cơ quan quản lý ở từng cấp (trung ương, tỉnh, huyện) tổng hợp số liệu theo địa bàn hoặc theo ngành/lĩnh vực quản lý từ báo cáo của cấp dưới, đối chiếu với số liệu báo cáo của các đơn vị thực hiện và chủ đầu tư ở cùng cấp.
- Với các chỉ số yêu cầu **phân tổ số liệu** theo nam/nữ, DTTS/dân tộc Kinh, DTTS có khó khăn đặc thù/DTTS còn nhiều khó khăn, hộ nghèo/cận nghèo, hoặc phân tổ số liệu theo các cấp trung ương, tỉnh, huyện, xã thì cơ quan báo cáo bổ sung dòng số liệu tương ứng theo từng phân tổ.

2. PHỤ LỤC SỐ 02 (Theo PHỤ LỤC SỐ 02 - BIỂU SỐ 2.8 Thông tư hướng dẫn quy trình giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình 1719)

TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO SỐ LIỆU

DỰ ÁN 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030

Giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

Kỳ báo cáo: từ tháng..... năm..... đến tháng..... năm.....

TT	Chỉ số (trên địa bàn các xã, thôn ĐBKK vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi)	Đơn vị tính	Phân tổ số liệu	Địa bàn (xã, huyện, tỉnh)	Số liệu thực hiện trong kỳ báo cáo	Chỉ tiêu kế hoạch năm báo cáo	Số liệu lũy kế đến thời điểm báo cáo	Chỉ tiêu kế hoạch cả giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
1	Hoạt động tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em								
1.1	Hoạt động 1: Xây dựng các nhóm truyền thông tiên phong thay đổi trong cộng đồng								
1.1.1	Số lượng lớp tập huấn bổ sung cho mạng lưới giảng viên nguồn của tỉnh về nội dung và phương pháp xây dựng năng lực cho các nhóm truyền thông cộng đồng	Lớp							
1.1.2	Số lượng giảng viên nguồn của tỉnh được tập huấn về nội dung và phương pháp xây dựng năng lực cho các nhóm truyền thông cộng đồng	Người							
1.1.3	Số lượng lớp tập huấn ngắn theo phương pháp hướng dẫn/cố vấn, “cầm tay chỉ việc” cho các Tổ truyền thông cộng đồng	Lớp							
1.1.4	Số lượng thành viên Tổ truyền thông cộng đồng được tập huấn ngắn theo phương pháp hướng dẫn/cố vấn, “cầm tay chỉ việc”	Người							
1.1.5	Số lượng các tổ truyền thông cộng đồng được thành lập và duy trì hoạt động	Tổ truyền thông							

1.1.6	Số lượng thành viên các tổ truyền thông cộng đồng	Người	Nam/nữ						
1.1.7	Số lượng, Tỷ lệ thôn bản ĐBKK có tổ truyền thông cộng đồng được thành lập và duy trì hoạt động	Thôn, %							
1.1.8	Số lượng thôn bản được cung cấp một số trang thiết bị cơ bản (micro, loa cầm tay, loa kéo...) - trên cơ sở rà soát lại những thiết bị đã được trang bị	Thôn							
1.1.9	Số lượng thành viên các tổ truyền thông cộng đồng tham gia mạng lưới truyền thông xã hội (facebook/youtube) để chia sẻ thông tin hoạt động, kết nối mạng lưới hoạt động bền vững	Người							
1.2.	Hoạt động 2: Thực hiện các chiến dịch truyền thông xóa bỏ định kiến và khuôn mẫu giới, xây dựng môi trường sống an toàn cho phụ nữ và trẻ em								
1.2.1	Số lượng chương trình phát thanh, truyền hình, truyền thanh cấp trung ương và cấp tỉnh được sản xuất và phát sóng	Chương trình							
1.2.2	Số lượng, Tỷ lệ xã vùng DTTS&MN phát thanh lại các chương trình phát thanh, truyền hình bằng tiếng Kinh và tiếng dân tộc	Xã, %							
1.2.3	Số lượng mô hình truyền thông cộng đồng về nội dung “xóa bỏ định kiến và khuôn mẫu giới, xây dựng môi trường sống an toàn cho PN&TE, giải quyết những vấn đề xã hội cấp thiết cho PN&TE” được Tổ truyền thông cộng đồng thực hiện tại các sự kiện cộng đồng và được số hóa để chia sẻ rộng rãi	Mô hình							
	Trong đó:								
	1.2.3.1. Số lượng, Tỷ lệ mô hình truyền thông cộng đồng do nam giới tiên phong	Mô hình, %							
1.2.4	Số lượng, Tỷ lệ các mô hình truyền thông dựa vào cộng đồng và các chương trình phát thanh, truyền hình được số hóa (để chia sẻ rộng rãi qua các nền tảng truyền thông xã hội)	Mô hình, %							
1.3	Hoạt động 3: Hội thi/liên hoan các mô hình sáng tạo và hiệu quả trong xóa bỏ định kiến giới, bạo lực gia đình và mua bán phụ nữ và trẻ em								
1.3.1	Số lượng xã vùng DTTS&MN có mô hình truyền thông sáng tạo và hiệu quả dựa trên bằng chứng về kết quả xóa bỏ định kiến	xã							

	giới, giảm bạo lực gia đình và giảm mua bán phụ nữ và trẻ em tại cơ sở tham gia hội thi/liên hoan								
1.3.2	Số lượng mô hình truyền thông sáng tạo và hiệu quả trong xóa bỏ định kiến giới, bạo lực gia đình và mua bán phụ nữ và trẻ em vùng DTTS&MN được lựa chọn, hỗ trợ tài liệu hóa và số hóa	Mô hình							
1.4	Hoạt động 4: Triển khai 04 gói hỗ trợ phụ nữ DTTS sinh đẻ an toàn và chăm sóc sức khỏe trẻ em								
1.4.1	Nghiên cứu đánh giá chính sách khuyến khích sinh đẻ an toàn tại các tỉnh có tỷ lệ sinh con tại nhà cao, nhất là các địa bàn có những nhóm DTTS rất ít người sinh sống được thực hiện	Đề xuất chính sách							
1.4.2	Số lượng, Tỷ lệ phụ nữ mang thai vùng DTTS&MN được tuyên truyền, vận động đến sinh con tại cơ sở y tế	Người, %							
1.4.3	Số lượng, Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tiếp cận/thụ hưởng gói chính sách hỗ trợ bà mẹ sinh đẻ an toàn tại các tỉnh có đông DTTS có tỷ lệ sinh con tại nhà cao	Người, %							
1.4.4	Số lượng, Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tiếp cận/thụ hưởng gói chính sách hỗ trợ chăm sóc tại nhà sau sinh tại các tỉnh có đông DTTS có tỷ lệ sinh con tại nhà cao	Người, %							
2	Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy BDG và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em.								
2.1	Hoạt động 1: Phát triển và nhân rộng mô hình tiết kiệm và tín dụng tự quản để tăng cường tiếp cận tín dụng, cải thiện cơ hội sinh kế, tạo cơ hội tạo thu nhập và lồng ghép giới								
2.1.1	Số lượng lớp tập huấn cho đội ngũ cán bộ cấp huyện và xã về kỹ năng hướng dẫn thành lập và vận hành tổ TKVVTB	Lớp							
2.1.2	Số lượng cán bộ cấp huyện, xã được tập huấn kỹ năng hướng dẫn thành lập và vận hành tổ TKVVTB	Người							
2.1.3	Số lượng tổ TKVVTB đang hoạt động tại địa phương	Tổ							
2.1.4	Số lượng tổ TKVVTB được hỗ trợ thành lập mới (bằng nguồn vốn của Chương trình)	Tổ							
2.1.5	Số lượng tổ TKVVTB&SK được phát triển từ TKVVTB	Tổ							

2.1.6	Số lượng, tỷ lệ tổ TKVVTB&SK được hỗ trợ tập huấn kỹ thuật và đầu vào để thực hiện giải pháp phát triển sinh kế	Tổ, %							
2.1.7	Số lượng, tỷ lệ tổ TKVVTB áp dụng phương pháp học tập và hành động giới	Tổ, %							
2.1.8	Số lượng, tỷ lệ xã khu vực III, thôn bản ĐBKK vùng DTTS&MN có tổ TKVVTB hoạt động	Xã, thôn, %							
2.1.9	Số lượng phụ nữ DTTS tham gia các tổ TKVVTB	Người							
2.1.10	Số lượng, Tỷ lệ phụ nữ DTTS cải thiện tiếp cận tín dụng thông qua các tổ TKVVTB	Người, %							
2.2.	<i>Hoạt động 2: Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ DTTS</i>								
2.2.1	Số lượng mô hình tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, hợp tác xã có phụ nữ làm chủ hoặc đồng làm chủ triển khai các giải pháp công nghệ 4.0	Mô hình							
2.3	<i>Hoạt động 3: Thí điểm và nhân rộng mô hình địa chỉ an toàn hỗ trợ bảo vệ phụ nữ là nạn nhân bạo lực gia đình</i>								
2.3.1	Số lượng địa chỉ an toàn hỗ trợ bảo vệ phụ nữ là nạn nhân của bạo lực gia đình được nâng cấp trên cơ sở các địa chỉ tin cậy sẵn có hiện nay	Địa chỉ an toàn							
2.3.2	Số lượng địa chỉ an toàn hỗ trợ bảo vệ phụ nữ là nạn nhân của bạo lực gia đình được thành lập mới và hỗ trợ đầu tư	Địa chỉ an toàn							
2.3.3	Số lượng phụ nữ được hỗ trợ và bảo vệ tại các địa chỉ an toàn ở cộng đồng	Người							
2.3.4	Số lượng xã khu vực III, thôn bản ĐBKK có mô hình địa chỉ an toàn hỗ trợ bảo vệ phụ nữ là nạn nhân bạo lực gia đình	Xã, thôn							
2.4	<i>Hoạt động 4: Thí điểm và nhân rộng mô hình hỗ trợ phát triển sinh kế, hòa nhập cộng đồng cho nạn nhân mua bán người</i>								
2.4.1	Số lượng, tỷ lệ người là nạn nhân mua bán người trở về được hỗ trợ đào tạo nghề, phát triển sinh kế, hòa nhập cộng đồng	Lượt người, %							
3	Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển KT-XH của cộng đồng, giám sát và phản biện; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị								

3.1	Hoạt động 1: Đảm bảo tiếng nói và vai trò của phụ nữ trong các vấn đề kinh tế-xã hội tại địa phương, trong đó có thực hiện CTMTQG DTTS&MN								
3.1.1	Số lượng lớp tập huấn cho cán bộ huyện và xã (đã tham gia Chương trình 3 trong số các chương trình xây dựng năng lực) để phổ biến Sổ tay hướng dẫn về tổ chức đối thoại chính sách ở cấp cơ sở :	Lớp							
3.1.2	Số lượng cuộc đối thoại chính sách được tổ chức ở cấp xã và cụm thôn bản ĐBKK	Cuộc							
3.1.3	Số lượng, Tỷ lệ phụ nữ DTTS tham gia vào các cuộc đối thoại chính sách được tổ chức ở cấp xã và cụm thôn bản ĐBKK	Người, %							
3.1.4	Số lượng phụ nữ được hỗ trợ hoạt động “tiền đối thoại” (nghiên cứu nhỏ theo phương pháp nghiên cứu cùng tham gia; tổ chức họp trao đổi để chuẩn bị câu hỏi đối thoại, nâng cao sự tự tin và khả năng diễn đạt trước công chúng).	Người							
3.1.5	Số lượng, Tỷ lệ phụ nữ tham gia trong các cuộc họp dân, tiếp xúc cử tri của đại biểu dân cử tại địa bàn	Người, %							
3.1.6	Số lượng, Tỷ lệ phụ nữ tham gia các hoạt động giám sát xã hội: giám sát các hoạt động theo chủ đề/vấn đề do tổ chức Hội LHPNVN đề xuất, chủ trì hoặc phối hợp thực hiện	Người, %							
3.1.7	Số lượng, tỷ lệ xã khu vực III và thôn bản ĐBKK tổ chức hoạt động đối thoại chính sách với phụ nữ	Xã, thôn, %							
3.2	Hoạt động 2: Đảm bảo tiếng nói và vai trò của trẻ em gái trong phát triển kinh tế-xã hội của cộng đồng thông qua mô hình CLB “thủ lĩnh của sự thay đổi”								
3.2.1	Số lượng lớp tập huấn cho cán bộ ở cơ sở về cách thức thành lập và vận hành mô hình CLB “thủ lĩnh của sự thay đổi”	Lớp							
3.2.2	Số lượng cán bộ cơ sở được tập huấn về cách thức thành lập và vận hành mô hình CLB “thủ lĩnh của sự thay đổi”	Người							
3.2.3	Số lượng CLB “thủ lĩnh của sự thay đổi” (có thanh niên DTTS làm chủ nhiệm) được hỗ trợ thành lập tại trường học, trong thôn bản, nhà sinh hoạt cộng đồng... và đi vào hoạt động	CLB							

3.2.4	Số lượng, Tỷ lệ nữ thanh niên DTTS trực tiếp tham gia vận hành các mô hình CLB “thủ lĩnh của sự thay đổi”	Người, %							
3.2.5	Số lượng, tỷ lệ xã khu vực III và thôn bản ĐBKK có CLB “thủ lĩnh của sự thay đổi” được thành lập và duy trì hoạt động	Xã, thôn, %							
3.2.6	Số lượng, Tỷ lệ thanh niên DTTS được tiếp cận thông tin thông qua mô hình CLB “Thủ lĩnh của sự thay đổi”	Người, %	Nam/nữ						
3.3	Hoạt động 3: Công tác giám sát và đánh giá về thực hiện bình đẳng giới trong CTMTQG DTTS&MN								
3.3.1	Các chỉ tiêu, chỉ số trong Khung GS&ĐG về bình đẳng giới được xây dựng, lồng ghép trong các DA, TDA và cập nhật hàng năm	Chỉ số LGG							
3.3.2	Số lượng lớp tập huấn về thu thập thông tin cho hệ thống GS&ĐG về bình đẳng giới cho cán bộ cấp xã và thôn bản	Lớp							
3.3.3	Số lượng lớp tập huấn cho cấp tỉnh và cấp huyện về tổng hợp và phân tích thông tin về GS&ĐG giới	Lớp							
3.3.4	Cơ sở dữ liệu đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ, cuối kỳ về thực hiện mục tiêu BDG trong Chương trình được thu thập và được phân tích, báo cáo	CSDL/ Báo cáo							
3.3.5	Cơ sở dữ liệu hàng năm và đột xuất về thực hiện BDG trong Chương trình được thu thập và được phân tích, báo cáo	CSDL/ Báo cáo							
3.3.6	Số lượng Hội nghị có sự tham gia của bộ ngành và địa phương để đánh giá kết quả thực hiện LGG, rút kinh nghiệm, đề xuất các giải pháp thúc đẩy BDG trong vùng DTTS&MN	Hội nghị							
3.4	Hoạt động 4: Nâng cao năng lực của phụ nữ DTTS tham gia ứng cử, vận động bầu cử vào các cơ quan dân cử								
3.4.1	Số lượng cán bộ nữ DTTS trong quy hoạch vào các vị trí lãnh đạo trong hệ thống chính trị ở cấp xã và cấp huyện được tập huấn ngắn hạn nâng cao kỹ năng và kinh nghiệm vận động ứng cử vào các cơ quan dân cử	Người							
3.4.2	Số lượng cán bộ nữ DTTS trong quy hoạch vào các vị trí lãnh đạo trong hệ thống chính trị cấp xã và huyện được tham quan học tập kinh nghiệm	Người							
3.4.3	Tỷ lệ cán bộ nữ DTTS tham gia vào cơ quan dân cử cấp xã và cấp huyện	%	Huyện/xã						

4	Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng								
4.1	Hoạt động 1: Xây dựng chương trình phát triển năng lực thực hiện bình đẳng giới								
4.1.1	Chương trình 1 phát triển năng lực lồng ghép giới cho cán bộ cấp tỉnh, huyện được xây dựng và được số hóa	Chương trình							
4.1.2	Chương trình 2 phát triển năng lực lồng ghép giới cho cán bộ cấp xã dành được xây dựng và được số hóa:	Chương trình							
4.1.3	Chương trình 3 phát triển năng lực thúc đẩy bình đẳng giới trong cộng đồng được xây dựng và được số hóa	Chương trình							
4.1.4	Số lượng các khóa học trực tuyến về phát triển năng lực lồng ghép giới cho cán bộ cấp tỉnh, huyện, xã và cộng đồng trên website của TƯ Hội Liên hiệp phụ nữ VN	Khóa học	Tỉnh/ huyện/xã						
4.1.5	Số lượt người tham gia/theo dõi các khóa học trực tuyến về phát triển năng lực lồng ghép giới trên website của TƯ Hội Liên hiệp phụ nữ VN	Lượt người							
4.2	Hoạt động 2. Xây dựng đội ngũ giảng viên nguồn về lồng ghép giới								
4.2.1	Số lớp tập huấn giảng viên nguồn gồm cán bộ của TƯ Hội Liên hiệp phụ nữ VN, giảng viên của Học viện Phụ nữ Việt Nam, cán bộ VP Điều phối Chương trình (UBDT)... tham gia	Lớp							
4.2.2	Số lượng lớp tập huấn giảng viên nguồn cấp trung ương và cấp tỉnh để thực hiện các chương trình phát triển năng lực thực hiện lồng ghép giới	Lớp	Trung ương/tỉnh						
4.2.3	Số lượng giảng viên nguồn cấp trung ương và cấp tỉnh được đào tạo	Giảng viên	Trung ương/tỉnh						
4.2.4	Mạng lưới các giảng viên nguồn về LGG được thành lập và duy trì	Mạng lưới							
4.3	Hoạt động 3. Thực hiện các hoạt động phát triển năng lực cho các cấp								
4.3.1	Hội nghị giới thiệu về chiến lược lồng ghép giới trong CTMTQG DTTS&MN ở cấp TƯ	Hội nghị							

4.3.2	Số lượng lớp tập huấn Chương trình 1 cho 53 tỉnh	Lớp							
4.3.3	Số lượng lớp tập huấn Chương trình 2 cho cán bộ cấp huyện và xã	Lớp							
4.3.4	Số lượng lớp tập huấn Chương trình 3 trong cộng đồng	Lớp							
4.3.5	Số lượng, Tỷ lệ thôn bản vùng DTTS&MN tham gia Chương trình 3	Thôn, %							
4.3.6	Số lượng cán bộ tham gia hoạt động tập huấn về LGG ở các cấp (tỉnh, huyện, xã)	Người	Tỉnh/ huyện/xã, Nam/nữ						
4.4	Hoạt động 4. Đánh giá kết quả hoạt động phát triển năng lực								
4.4.1	Cơ sở dữ liệu đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ về kết quả hoạt động phát triển năng lực thực hiện BDG ở các cấp được thu thập và phân tích, báo cáo	CSDL/Báo cáo							
4.4.2	Số lượng hội thảo ở cấp vùng và cấp TƯ về kết quả đánh giá làm cơ sở cho việc điều chỉnh phương pháp, nội dung các hoạt động NCNL trong dự án 8 và các vấn đề liên quan khác	Hội thảo							

Ghi chú:

- Nếu địa bàn thực hiện dự án/hoạt động trải trên nhiều xã, nhiều huyện thì điền tên xã, huyện cụ thể vào cột "Địa bàn"; mỗi xã, huyện lập thành 1 dòng số liệu riêng; sau đó bổ sung dòng **TỔNG SỐ** cho mỗi nội dung hỗ trợ.
- Các cơ quan chính quyền địa phương và cơ quan quản lý ở từng cấp (trung ương, tỉnh, huyện, xã) tổng hợp số liệu theo địa bàn hoặc theo ngành/lĩnh vực quản lý từ báo cáo của cấp dưới (nếu có), đối chiếu với số liệu báo cáo của các đơn vị thực hiện và chủ đầu tư ở cùng cấp.
- Với các chỉ số yêu cầu **phân tổ số liệu** theo nam/nữ, DTTS/dân tộc Kinh, hộ nghèo/cận nghèo, hoặc phân tổ số liệu theo các cấp trung ương, tỉnh, huyện, xã thì cơ quan báo cáo bổ sung dòng số liệu tương ứng theo từng phân tổ. Với các chỉ số ghi đơn vị tính gộp là **số lượng, tỷ lệ** thì cơ quan báo cáo bổ sung dòng số liệu số lượng và dòng số liệu tỷ lệ tương ứng.

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng cơ quan

(ký tên và đóng dấu)

hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị.																	
d) Nội dung số 04: Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng.																	
TỔNG SỐ																	

Nơi nhận:

- ...
- ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(ký tên, đóng dấu)

Trên đây là các mẫu biểu báo cáo kết quả thực hiện Dự án 8 yêu cầu các tỉnh/ thành tổng hợp./. 